

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/11/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P9+PVD1+RP3	7:25	20+2+0	0+0+0		12+3+7	0+0+0	
2		P2+BK6+BK21	7:25	22+0+0	0+0+0		17+1+0	0+0+0	chuyen 3 bk6-bk21
3		P10+P11+CTK3+BK14	7:25	17+4+1+0	0+0+0+0		14+4+0+4	0+0+0+0	chuyen 1 P10-ctk3
4		TD1+BK8+P2	9:25	9+0+13	0+0+0		0+4+18	0+0+0	chuyen 1 bk8-p2
5		P5+BK15+BK4	9:25	12+6+4	0+0+0		2+8+4	0+0+0	
6		TTC2+P8+P9	9:25	0+10+10	0+0+0		0+1+21	0+0+0	chuyen 2 ttc2-p8
7		T.UNG	11:25	18	0		15	0	
8		P9+BK3+PPD	11:25	11+5+5	0+0+0		9+8+5	0+0+0	
9		BK10+P10+P4	11:25	5+14+2	0+0+0		4+10+0	0+0+0	chuyen 2 P10-p4

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 1 người RP3 về hồ sau đó đi P10 chuyển cuối
2/ TTd2 đi về qua P9



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/11/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT:	TO: P9 - PVD1 - RP3	CREW: Phong - ĐNam - NNam	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN LINH	P9	81	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN QUÊ	P9	75	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN HOÀNG	P9	72	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
4	TRƯƠNG THẾ DŨNG	P9	74	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN DUY ANH	P9	71	1	5	52	72	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ TAM THUY	P9	65	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HOÀI THANH	P9	80	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ LÃNG TÚ	P9	67-68	2	11		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH TUNG	P9	84	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
10	TRỊNH THẾ NHÂN	P9	82	1	6	65	82	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM TIỀN PHUƠNG	P9	87	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HUY	P9	83	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN HỮU TRÌ	P9	79	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG ĐỨC HẢI	P9	73	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
15	TRỊNH HUY KHIÊM	P9	76-77	2	13		72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	P9	78	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TUẤN ANH	P9	66	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN ĐÀ KHA	P9	69-70	2	12		92	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN NGỌC ĐO	P9	64	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN KIM THẠCH	P9	85-86	2	8		68	KH-THAC	Vietnamese
21	TRƯƠNG MINH KHÁNH	PVD1	92	1	12		74	DVL	Vietnamese
22	PHẠM HAI LONG	PVD1	90-91	2	20		73	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	20	24	137	1.456	117	12		
2	PVD1	2	3	32	147	0	3		
3	RP3	0	0	0	0	40	7		
TOTAL		22	27	169	1.603	157	22		
WEIGHT KG				169	1.603	157			

GRAND TOAL: 1.929 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/11/2021	TO: P2 - BK6 - BK21	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: QViệt - VThắng - MQUÂN -	ETA: 09:15
CAM-1		Tú	

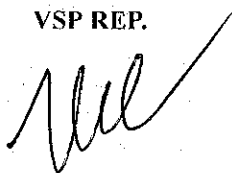
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN DUY TIẾN	P2	26-27	2	20	16	65	D-HANH	Vietnamese
2	VU VAN CUONG	P2	22-23	2	5		90	KH-THAC	Vietnamese
3	LE TRI HAO	P2	18	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
4	HO HUU LINH	P2	13	1	10		90	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM HIEN TRUONG	P2	02	1	2		66	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN DUC DUC	P2					73	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG MINH QUAN	P2	17	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
8	HO CONG ANH	P2	12	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
9	NGO DUC MINH	P2	16	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
10	THAI HOANG TAM	P2	09	1	8		81	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN QUOC HAI	P2	29-30	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
12	VU VAN DONG	P2	24	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM THIEN NAM	P2	01	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
14	BIEN DANG SAM	P2	25	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN MANH HUNG	P2	10	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN ANH KHOA	P2	11	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN DUC KHANG	P2	19-20	2	20		81	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG NGOC TRUONG	P2	21	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN QUY DUNG	P2	14-15	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
20	TA VAN CUONG	P2	05-06	2	17		74	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN HOANG MINH HIEU	P2	03-04	2	11		59	XAYLAP	Vietnamese
22	TRAN QUANG SANG	P2	07-08	2	17		55	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

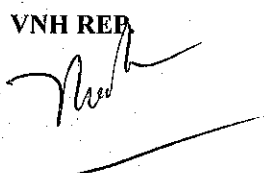
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	22	29	205	1.558	16	18		CHUYEN 3 PAX TU BK6 SANG BK21+ 90KG HANG
2	BK6	0	0	0	0	50	1		
3	BK21	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	29	205	1.558	66	19		
WEIGHT KG				205	1.558	66			

GRAND TOAL: 1.829 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/11/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: P10 - P11 - CTK3 - BK14	CREW: MTHẮNG - KHẢI - dũng	ETA: 09:40
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN HẢI HÀ	P10	20-21	2	14		66	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI CÔNG THẮNG	P10	09	1	10		57	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN THẮNG	P10	14	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ BAO TRUNG	P10	16	1	5		86	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VŨ KIẾN	P10	19	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM VĂN HƯƠNG	P10	13	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ ĐĂNG HOÀNG	P10	10	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	P10	06	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P10	07-08	2	10		81	KH-THAC	Vietnamese
10	TRÌNH XUÂN QUÂN	P10	04	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN THAO	P10	03	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN ĐĂNG TUÂN	P10	15	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ TRƯỞNG THỊNH	P10	12	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN BAO TOÀN	P10	17-18	2	11		76	KH-THAC	Vietnamese
15	HUYNH CÔNG VĂN	P10	11	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN SOAI	P10	05	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ XUÂN TUNG	P10	01-02	2	15		76	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN DUY HÀ	P11	11-12	2	14		77	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG BĂNG	P11	14	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐÀO THIÊN THUẬT	P11	13	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN ANH	CTK3	09-10	2	20	60	62	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	17	21	138	1.243	0	14	41	CHUYEN 1 PAX P10->CTK3
2	P11	3	4	28	210	0	4		
3	CTK3	1	2	20	62	60	0		
4	BK14	0	0	0	0	20	4		
TOTAL		21	27	186	1.515	80	22		
WEIGHT KG				186	1.515	80			

GRAND TOAL: 1.781 KGS

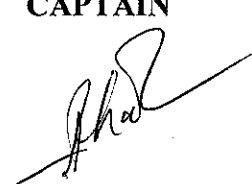
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/11/2021	TO: TD1 - BK8 - P2	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Phong - ĐNam - NNam	ETA: 11:20
CAM-2			

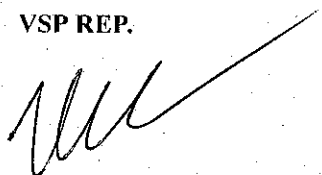
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM THE QUANG	TD1	03	1	13		71	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN TRONG	TD1	01	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN DUY KHANH	TD1	04-05	2	16		76	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN GIA CUONG	TD1	11-12	2	20		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN DUC HOANG HAI	TD1	06	1	15		80	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN XUAN HUNG	TD1	02	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN LUAN	TD1	09-10	2	13		75	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐAO VAN DUNG	TD1	07	1	11		81	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN VAN DO	TD1	08	1	9		55	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM VAN TAN	P2	38-39	2	16		65	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐO TIEN MẠNH	P2	35	1	10	15	75	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN KHAC QUANG	P2	45-46	2	20		69	XAYLAP	Vietnamese
13	LAI VAN MẠNH	P2	47-48	2	20		74	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN QUANG TUAN	P2	43-44	2	20		81	XAYLAP	Vietnamese
15	BUI VAN DUNG	P2	41-42	2	12		66	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAN VAN ĐUÔNG	P2	32	1	11		65	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC MINH	P2	37	1	14		82	XAYLAP	Vietnamese
18	HOANG XUAN KIEN	P2	40	1	18	10	66	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAM CONG HINH	P2	49-50	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
20	PHAM THANH HUNG	P2	34	1	8		66	PSV	Vietnamese
21	ĐINH VAN LUU	P2	33	1	6		52	PSV	Vietnamese
22	TRAN VAN NAM	P2	51	1	4		72	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

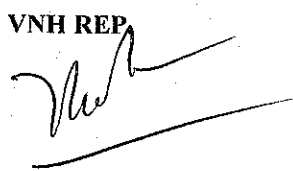
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	9	12	112	648	0	0		CHUYEN 1 PAX BK8 SANG P2
2	BK8	0	0	0	0	8	4		
3	P2	13	19	178	898	25	18		
TOTAL		22	31	290	1.546	33	22		
WEIGHT KG				290	1.546	33			

GRAND TOAL: 1.869 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/11/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:45
FLIGHT:	TO: P5 - BK15 - BK4 - VSP02	CREW: QViệt - VThắng - MQUÂN -	ETA: 11:25
TRANG-2		Tú	

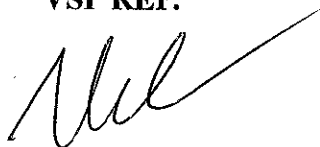
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ VĂN TUÂN	P5	72-73	2	13		80	XAYLAP	Vietnamese
2	BUI NGOC NAM	P5	83-84	2	12		68	XAYLAP	Vietnamese
3	BUI VĂN CHUNG	P5	78	1	14		50	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN DUY PHƯƠNG	P5	65-66	2	18		61	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM BA HOANG	P5	79-80	2	13		63	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ VĂN QUAN	P5	63-64	2	14		78	XAYLAP	Vietnamese
7	HOANG TUÂN CUONG	P5	70-71	2	18		73	XAYLAP	Vietnamese
8	TRINH XUÂN TAI	P5	68-69	2	18		68	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐẠO QUỐC OAI	P5	67	1	18	5	82	XAYLAP	Vietnamese
10	PHAM VĂN VUI	P5	81,82	2	15		61	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN XUÂN MAI	P5	74-75	2	20		63	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN PHÚC HIẾN	P5	76-77	2	18		87	XAYLAP	Vietnamese
13	VOEVODCHENKOV NIKOLAY	BK15	83	1	5		98	KH-THAC	Russian
14	NGUYỄN HOANG KHA	BK15	79-80	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
15	LƯU TIẾN THANH	BK15	77	1	6		79	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN QUANG HOANG	BK15	82	1	12	40	63	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN MẠNH HÙNG	BK15	81	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TRUNG	BK15	78	1	11		80	PSV	Vietnamese
19	TÔNG TRUNG HUY	BK4	79	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
20	KURPASOV V.A	BK4	78	1	5		75	KH-THAC	Russian
21	ĐOÀN NG. BAO CHÂU	BK4	80	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
22	HỒ VĂN ĐỨC	BK4	81	1	8	35	68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	12	22	191	834	5	2		
2	BK15	6	7	48	460	40	8		
3	BK4	4	4	23	299	35	4		
4	VSP02	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	33	262	1.593	80	15		
WEIGHT KG				262	1.593	80			

GRAND TOAL: 1.935 KGS

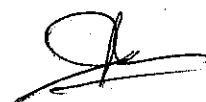
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/11/2021	TO: TTC2 - P8 - P9	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:05
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: MTHẮNG - KHẢI - dũng	ETA: 11:45
VANG-2			

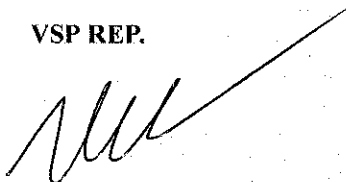
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÌNH VĂN THIÊN	P8	61-62	2	17	20	58	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐÀO ĐỨC ĐÔNG	P8	63-64	2	20		73	XAYLAP	Vietnamese
3	HA ANH CHIEN	P8	75	1	11		77	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ KHÁC PHƯƠNG	P8	71-72	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
5	BUI XUAN NGOC	P8	68-69	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
6	VŨ QUANG VINH	P8	73-74	2	14		77	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN VĂN CHIEN	P8	65-66	2	20		73	XAYLAP	Vietnamese
8	HOÀNG QUANG HUNG	P8	76-77	2	21		77	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ ĐĂNG TIỀN	P8	67	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN KHÁC QUY	P8	70	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
11	VŨ ĐÌNH QUANG	P9	57	1	15		77	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐÀO ĐỨC THAI	P9	56	1	11		93	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM ANH TUÂN	P9	54-55	2	14		64	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN LƯƠNG	P9	52-53	2	16		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TRẠI	P9	51	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ HUY MẠNH	P9	61	1	12		82	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐOÀN ĐỨC	P9	50	1	9		83	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ THANH DƯƠNG	P9	58	1	9		85	DVL	Vietnamese
19	CAO VĂN GIÁP	P9	59-60	2	12		81	XAYLAP	Vietnamese
20	PHẠM NGỌC THẮNG	P9	62-63	2	18		67	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

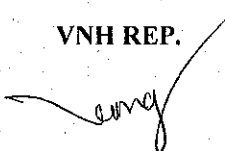
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	0	0	0	0	40	0+2		CHUYEN 2 PAX TTC2 SANG P8
2	P8	10	17	156	694	20	1		
3	P9	10	14	126	769	0	21		
TOTAL		20	31	282	1.463	60	22		
WEIGHT KG				282	1.463	60			

GRAND TOAL: 1.805 KGS

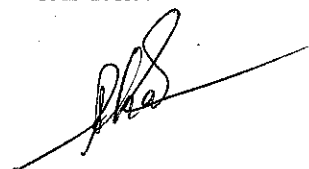
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/11/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 11:05
FLIGHT: 07	TO: T.UNG	CREW: MTiến - Nam	ETA: 14:10
TIM - 3			

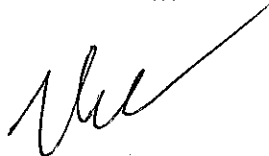
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRUNG HIỀU	T.UNG	20	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN CHÍNH	T.UNG	17	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI TRỌNG SƠN	T.UNG	21	1	14		71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN MINH TRI	T.UNG	32	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ DUY ĐỨC	T.UNG	18	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
6	VU TIEN VINH	T.UNG	24	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
7	KHÔNG THAI BÌNH	T.UNG	30	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG TUYỀN	T.UNG	23	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH NAM	T.UNG	19	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HUY CÔNG	T.UNG	49	1	8		49	KH-THAC	Vietnamese
11	VU QUANG THÔNG	T.UNG					70	KH-THAC	Vietnamese
12	KLY	T.UNG	22	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ QUỐC TIẾN	T.UNG	33	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN NAM TRUNG	T.UNG	01	1	10		85	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC MINH	T.UNG	02-03	2	20	90	65	CODIEN	Vietnamese
16	VU ĐỨC HUNG	T.UNG	28	1	10	27	94	T-TIN	Vietnamese
17	ĐINH XUÂN TOÀN	T.UNG	25-26	2	15	10	58	T-TIN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN MINH	T.UNG	29	1	20		84	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

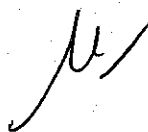
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	18	19	155	1.268	127	15		
	TOTAL	18	19	155	1.268	127	15		
	WEIGHT KG			155	1.268	127			

GRAND TOAL: 1.550 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/11/2021	TO: P9 - BK3 - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:50
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Hôi - XTrưởng - HIẾU - Cường	ETA: 13:30
NAU-3			

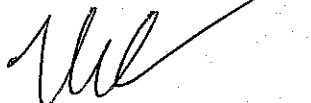
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM NGOC HA	P9	08	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
2	LUU MANH TIEN	P9	09	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN KIM HA	P9	13	1	10	12	67	XAYLAP	Vietnamese
4	BUI VAN CHINH	P9	04	1	14		67	XAYLAP	Vietnamese
5	TRINH VAN TU	P9	11	1	10	15	65	XAYLAP	Vietnamese
6	HO ĐỨC HIEN	P9	05	1	9		50	YTE	Vietnamese
7	PHAM CONG TUAN	P9	03	1	3		60	PSV	Vietnamese
8	VU VAN PHUC	P9	07	1	5		55	PSV	Vietnamese
9	LE VAN VIET	P9	02	1	4		78	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN VAN QUANG	P9	01	1	6		62	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN QUOC TUAN	P9	06	1	10		72	PSV	Vietnamese
12	LE CONG VINH	BK3	78	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
13	DO TUAN VIET	BK3	79	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG THANH TRUNG	BK3	76	1	12	40	80	KH-THAC	Vietnamese
15	THAI HAI HA	BK3	77	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN VAN HONG	BK3	75	1	5		68	PSV	Vietnamese
17	BERNHIKOV	PPD	23	1	6	20	113	KHI	Russian
18	OKOVANTSEV	PPD	25-26	2	10		113	KHI	Russian
19	PHAM TAI	PPD	24	1	13		73	KHI	Vietnamese
20	LAM TAN TOAN	PPD	27	1	5	55	75	KHI	Vietnamese
21	NGO HOANG ANH	PPD	28-29	2	7		56	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	11	11	91	706	27	9		
2	BK3	5	5	37	353	40	8		
3	PPD	5	7	41	430	75	5		
TOTAL		21	23	169	1.489	142	22		
WEIGHT KG				169	1.489	142			

GRAND TOAL: 1.800 KGS

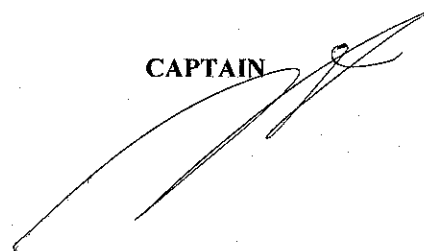
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/11/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:55
FLIGHT: 09	TO: BK10 - P10 - P4	CREW: HUNG - TTrung - Vũ	ETA: 13:35
CAM-3			

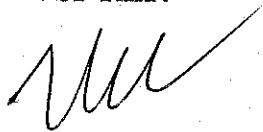
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUYẾT CHIẾN	BK10	61	1	7	30	70	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN CHÂU NAM	BK10	62	1	11		89	KH-THAC	Vietnamese
3	NGHIÊM XUÂN ANH	BK10	74	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HỒNG	BK10	63	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN CÔNG HOÀN	BK10	60	1	5	25	67	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM HỒNG QUANG	P10	22	1	8	100	63	NIPI	Vietnamese
7	NGUYỄN MẠNH HÀ	P10	598	1	7		71	NIPI	Vietnamese
8	CÔNG ĐỨC TÂM	P10	02	1	6		65	NIPI	Vietnamese
9	ĐO QUỐC HUY	P10	75	1	6		79	NIPI	Vietnamese
10	TRẦN DANH SƠN	P10	74	1	8		57	NIPI	Vietnamese
11	BUI TRỌNG HUY	P10	25	1	5		60	NIPI	Vietnamese
12	CHÂU ĐÌNH HUY	P10	23	1	6		68	NIPI	Vietnamese
13	TRẦN MINH BẠCH	P10	99	1	5		63	PSV	Vietnamese
14	LÊ NHỎ CANG	P10	96	1	9		70	PSV	Vietnamese
15	BUI VĂN NGUYỄN	P10	95	1	5		67	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN HỒNG DƯƠNG	P10	98	1	9		56	PSV	Vietnamese
17	LÊ ĐỨC CUÔNG	P10	900	1	7		54	PSV	Vietnamese
18	TRẦN HIỆP	P10	97	1	9		70	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN THÈ HUY	P10	24	1	14	10	84	CODIEN	Vietnamese
20	TRẦN THAI THANH	P4	05,57	2	18		55	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HIẾU	P4	03,04	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

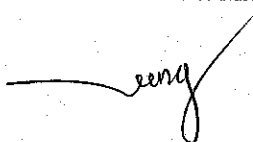
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	5	5	36	351	55	4		CHUYEN 2 PAX P10 SANG P4
2	P10	14	14	104	927	110	11		
3	P4	2	4	33	130	0	0		
TOTAL		21	23	173	1.408	165	15		
WEIGHT KG				173	1.408	165			

GRAND TOAL: 1.746 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

